

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 23/12/2020

V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ – TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Ông Lục Viết Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án th lý số: 216/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc “*ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1995 (có mặt).

Trú quán: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

+ *Bị đơn:* Anh Trần Công D, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Công D vào ngày 15/10/2018 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Vì vậy vợ chồng thường xảy ra bất đồng cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai từ tháng 9/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị N xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, vợ chồng không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai của anh Trần Công D trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn thị Thanh N vào ngày 15/10/2018 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H như chị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại T, B, cuộc sống ban đầu hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Vì vậy vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau, không tin tưởng nhau. anh D đã về nhà mẹ đẻ ở H

sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm tới ai từ tháng 9/2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị N xin ly hôn anh D đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác vợ chồng không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Quá trình thụ lý vụ án Tòa án có triệu tập anh D, chị N đến tham gia phiên hòa giải nhưng anh D vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải theo quy định được.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

+ Bị đơn: Chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh N: Xử cho chị N được ly hôn anh D.

- Về con chung, tài sản, công nợ chị N, anh D không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nguyễn Thị Thanh N và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình, xin ly hôn.

Bị đơn anh Trần Công D có địa chỉ xã H, huyện Y, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a, khoản 1 điều 35; điểm a, khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh D có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Công D.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Thanh N kết hôn cùng anh Trần Công D vào ngày 15/10/2018 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại

UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng ghen tuông, không tin tưởng nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cả chị N, anh D đều xin được ly hôn. Căn cứ điều 56 luật hôn nhân gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn anh Trần Công D.

Về con chung, tài sản, vay nợ, ruộng canh tác: Chị N, anh D xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273, điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56; Điều 57; Điều 58; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh N được ly hôn với anh Trần Công D.

Về con chung, tài sản, công nợ: Xác nhận chị N, anh D không có.

Về tiền án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0002472 ngày 13/10/2020 do Chi cục Thi hành án huyện Yên Thế thu. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- VKSND Tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự; Lưu HS;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Vân Anh

